|  |  |
| --- | --- |
| **TỈNH/THÀNH PHỐ:……**  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: /BC-BGDĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…., ngày tháng …. năm 2022* |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Kết quả phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2015-2021**

*( Kèm theo Công văn số /BGD ĐT-GDMN ngày /3/2022 của Bộ GDĐT)*

1. **Kết quả phát triển giáo dục mầm non**

**1. Kết quả ban hành văn bản quản lý nhà nước về giáo dục Mầm non của tỉnh**

Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, ban hành và tham mưu UBND tỉnh ban hành và trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục (GDMN) trên địa bàn.

2. Tiếp cận GDMN, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

- Công tác huy động trẻ đến CSGD, (Tỷ lệ huy động trẻ em mầm non đến cơ sở giáo dục GDMN phân theo các vùng miền, giới tính, dân tộc, trên địa bàn).

- Công tác tổ chức trẻ học 2 buổi/ ngày, (các tỷ lệ trẻ ở cơ sở GDMN được học 2 buổi/ngày).

- Công tác đổi mới Chương trình GDMN; tổ chức thực hiện; xây dựng tài liệu, hướng dẫn, học liệu.

- Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non

3. Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non

- Phân bố cơ sở giáo dục

- Số lượng trường (công lập, dân lập, tư thục,…), số lượng trẻ được huy động đến các cơ sở này.

- Số lượng nhóm lớp độc lập; số lượng trẻ được huy động đến nhóm, lớp độc lập.

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; kiểm định chất lượng GDMN

4. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- Số lượng, chất lượng (số lượng, thừa/thiếu, chất lượng: kỹ năng, phương pháp thực hiện Chương trình GDMN, so sánh tăng/giảm );

- Chính sách cho giáo viên và CBQL GDMN;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng.

5. Về đầu tư tài chính

- Tỷ trọng thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và GDMN trên địa bàn; tăng/giảm trong giai đoạn tại địa phương;

- Đánh giá mức đầu tư của các địa phương cho GDMN;

- Chi tiêu hộ gia đình cho GDMN/đầu trẻ em ở các vùng khác nhau;

- Mức độ huy động XHH cho GDMN;

- Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG; Đề án đầu tư CSVC (nguồn kinh phí, kinh phí đã đầu tư…).

6. Về đầu tư cơ sở vật chất

- Số lượng các loại hạng mục, các loại thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, hạ tầng CNTT được đầu tư, mua sắm;

- Kết quả huy động các nguồn lực để đầu tư CSVC, TBDH: ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn huy động khác, lồng ghép các chương trình, dự án;

- Tỷ lệ phòng học/lớp, tỷ lệ kiên cố hóa, các phòng học chức năng, TBDH, đồ dùng, đồ chơi,...

7. Về thực hiện chế đô, chính sách tại địa phương

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Chính sách hỗ trợ trẻ em, giáo viên, cán bộ giáo viên làm phổ cập;

- Chính sách đối với cơ sở GDMN.

8. Kết quả duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMNTNT

- Kết quả thực hiện PC GDMNTNT, Chất lượng

- Tác động đối với GDMN và xã hội.

- Công tác quản lý, chỉ đạo để thực hiện PCGDMNTNT;

- Kinh nghiệm thu được trong thực hiện PCGDMNTNT.

*(Có biểu phụ lục kèm theo)*

**II. Một số hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

**1. Hạn chế, khó khăn**

1.1. Về cơ chế, chính sách

- Các chính sách cho các vùng, các đối tượng đặc thù;

- Cơ chế phân bổ ngân sách sự nghiệp cho giáo dục mầm non

- Cơ chế về học phí, về trang trải chi phí các dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non;

- Công tác xã hội hóa nguồn vốn đầu tư cho GDMN;

- Chính sách còn thiếu so với yêu cầu của thực tiễn phát triển GDMN.

- Bất cập, khó khăn về quản lý.

1.2. Khó khăn về tài chính, ngân sách

- Nguồn ngân sách hỗ trợ GDMN và vùng khó khăn;

- Quy định của Chính phủ về định mức chi ngân sách,….

1.3. Về mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

1.4. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1.5. Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non

1.6. Về công tác duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMNTNT

**2. Nguyên nhân**

**III. Đánh giá chung**

**1. Đánh giá chung**

Đánh giá chung về kết quả về phát triển giáo dục mầm non và duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT giai đoạn 2015-2021; đảm bảo các nguồn lực để phát triển giáo dục mầm non.

**2. Bài học kinh nghiệm**

- Chỉ đạo phát triển GDMN

- Chỉ đạo thực hiện PC

- Thu hút nguồn lực và sử dụng ngân sách cho GDMN

-…

**IV. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3-4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2023-2030 (gọi chung là Phổ cập mẫu giáo)**

**1. Thuận lợi, khó khăn của địa phương**

- Về văn bản QPPL;

- Về điều kiện CSVC, đội ngũ;

- Về kinh phí;

- Về nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, duy trì tỉ lệ chuyên cần…

- Về công tác chỉ đạo phối hợp giữa các đơn vị; các ngành, cơ sở GDMN, cha mẹ trẻ để đưa trẻ đến trường.

- Về điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; điều kiện địa lý, dân tộc, dịch bệnh...

**2. Đề xuất những vấn đề cần tháo gỡ, tập trung giải quyết để phát triển GDMN cho giai đoạn 2023-2030**

**…….**

**3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp cơ bản để thực hiện PC GDMN cho trẻ em 3-4 tuổi và nâng cao chất lượng PC GDMNTNT 2023-2030 trên địa bàn**

**...**

**V. Kiến nghị, đề xuất**

1. Với Đảng và Chính phủ

2. Với Bộ GDĐT và các Bộ, ngành có liên quan.